



nán guā

南瓜

Noun · Pumpkin

Example Sentences

zhè shì nán guā

这是南瓜。

This is a pumpkin.

nǐ què dìng zhè dào cài lǐ méi yǒu tiān jiā rèn hé nán guā chéng fèn ma

你确定这道菜里没有添加任何南瓜成分吗？

Are you sure this dish doesn't contain any pumpkin ingredients?

mā mā yòng nán guā zuò le tāng

妈妈用南瓜做了汤。

Mom made soup with pumpkin.

Trace each character, then write the word on your own.

南	南	南	南	南	南	南	南	南	南	南
南										
瓜	瓜	瓜	瓜	瓜	瓜	瓜	瓜			